kythithpt.com
Thi thử online • Luyện như thi thật

ĐỀ THI THỬ TRỰC TUYẾN

(Đề thi có 2 trang)

CUỐI KỲ 1 - NĂM HỌC 2026–2027

MÔN: VẬT LÝ - LỚP 12

*Thời gian làm bài: **50 phút**, không kể thời gian phát đề*

Phát hành ngày 29/08/2026

Họ và tên: .....

Số báo danh: .....

Mã đề: L12.CK1.004

TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Nhiệt lượng một vật thu vào khi nóng lên được tính bằng

A. $Q = mc\Delta t$ **B.** $Q = \dfrac{c\Delta t}{m}$ **C.** $Q = \dfrac{m\Delta t}{c}$ **D.** $Q = mc$

Câu 2. Vì sao thức ăn trong nồi áp suất chín nhanh hơn trong nồi thường?

A. Vì nồi áp suất dẫn nhiệt tốt hơn nồi thường.

B. Vì hơi nước trong nồi không thoát ra nên nước không cạn.

C. Vì nước trong nồi áp suất sôi ở nhiệt độ thấp hơn.

D. Vì áp suất cao làm nước sôi ở nhiệt độ trên 100 °C.

Câu 3. Khí lí tưởng trong xi lanh luôn được giữ cùng nhiệt độ; ba trạng thái liên tiếp có số liệu áp suất tuyệt đối và thể tích như sau: Trạng thái I: $V = 16$ L, $p = 150$ kPa. Trạng thái II: $V = 12$ L, $p = 200$ kPa. Trạng thái III: $V = 8$ L, $p = 250$ kPa. Xi lanh kín ở giai đoạn I đến II. Trong II đến III chỉ xét khả năng khí thoát qua van, không có khí vào; số liệu trạng thái chính xác. Kết luận nào phù hợp toàn bộ số liệu?

A. Khí lọt thêm vào ở giai đoạn II đến III.

B. Không rò vì áp suất vẫn tăng khi thể tích giảm.

C. Có khí thoát ra ở giai đoạn II đến III.

D. Boyle bắt buộc tích pV tăng khi nén khí.

Câu 4. Trong suốt quá trình nóng chảy của một chất kết tinh, nhiệt độ của chất

A. giảm dần vì chất phải toả nhiệt.

B. không đổi, dù vẫn phải cấp nhiệt liên tục.

C. tăng đều vì chất vẫn nhận nhiệt.

D. không đổi vì chất không nhận thêm nhiệt lượng nào.

Câu 5. Loại nhiệt kế nào đo nhiệt độ dựa vào sự thay đổi điện trở của dây kim loại theo nhiệt độ?

A. Nhiệt kế điện trở.

B. Nhiệt kế thuỷ ngân.

C. Nhiệt kế hồng ngoại.

D. Nhiệt kế cặp nhiệt điện.

Câu 6. Một khối khí nhận nhiệt lượng 750 J và dãn nở, thực hiện công 380 J lên môi trường. Nội năng của khối khí biến thiên

A. -370 J **B.** 1130 J **C.** 370 J **D.** 750 J

Câu 7. Nội năng của một vật là

A. tổng động năng của cả vật khi vật chuyển động và thế năng của vật trong trọng trường.

B. tổng động năng chuyển động nhiệt của các phân tử và thế năng tương tác giữa chúng.

C. tổng động năng chuyển động nhiệt của các phân tử, không tính thế năng tương tác.

D. nhiệt lượng mà vật nhận được từ bên ngoài trong quá trình truyền nhiệt.

Câu 8. Trong hệ toạ độ (V, T), đồ thị của quá trình đẳng áp có dạng

A. Một đường parabol.
B. Đoạn thẳng song song với trục T.
C. Đoạn thẳng song song với trục V.
D. Đường thẳng đi qua gốc toạ độ.

Câu 9. Phương trình trạng thái của một lượng khí lí tưởng xác định là

A. $pVT =$ hằng số
B. $\dfrac{p}{VT} =$ hằng số
C. $\dfrac{pT}{V} =$ hằng số
D. $\dfrac{pV}{T} =$ hằng số

Câu 10. Theo mô hình động học phân tử, áp suất chất khí được tính bằng

A. $p = \dfrac{1}{3}\dfrac{\overline{v^2}}{\rho}$
B. $p = \dfrac{1}{3}\rho\overline{v^2}$
C. $p = \rho\overline{v^2}$
D. $p = \dfrac{1}{3}\rho\overline{v}$